

Số: 67/QĐ-SCT

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác quý II/2019 của Văn phòng Sở Công Thương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý II/2019 của Văn phòng Sở Công Thương (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Các ông, bà: Chánh văn phòng; Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Tổng hợp; Trưởng các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở; (đăng tải trên cổng TTĐT của Sở)
- Như Điều 2; (Thực hiện)
- Lưu :VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Tiến Hà

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ II/2019

(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ- SCT ngày 15/7/2019 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	17,34				
1	Số thu phí, lệ phí	17,34				
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	17,34				
-	<i>Phí thẩm định điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	9,46				
-	<i>Phí TD đầu tư, dự án đầu tư</i>	4,38				
-	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ CN</i>	3,50				
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8,94				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	8,94				
1.1	Chi quản lý hành chính	8,94				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8,94				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN	8,40				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	8,40				
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	8,40				
-	<i>Phí thẩm định điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	7,22				
-	<i>Phí TD đầu tư, dự án đầu tư</i>	0,83				
-	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ CN</i>	0,35				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.394,03		868,50	-	
1	Chi quản lý hành chính	1.465,61		868,50	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.047,11		868,50	-	



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	- Chi định mức theo NQ 06/2016/NQ-HĐND	150,08				
	- Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương	735,67		735,67		
	- Trừ số thu để lại làm lương	(3,576)				
	- Chi các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn	126,57		126,57		
	- Chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	6,26		6,26		
	- Chi xăng dầu xe ô tô	19,92				
	- Chi từ nguồn thu được để lại	8,61				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (sau khi đã trừ KP tiết kiệm 10%)	418,50				
	- Kinh phí sửa chữa xe ô tô	297,48				
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo an toàn điện	1,05				
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	10,58				
	- Kinh phí chi nghiệp vụ khác phục vụ hoạt động liên quan đến phát triển thương mại, khai thác và xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư vào xây dựng các dự án thủy điện nhỏ	13,71				
	- Kinh phí thực hiện chương trình Đề án phát triển thị trường trong tỉnh gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	8,24				
	- Kinh phí tổ chức Ngày Quyền của Người tiêu dùng Việt Nam	44,75				
	- Kinh phí tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát về an toàn thực phẩm	10,50				
	- Kinh phí thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc	18,00				
	- Kinh phí xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức viên chức VNPTERF	0,80				
	- Kinh phí thực hiện đề án đưa cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, triển vọng đang công tác ở các cơ quan cấp tỉnh về xã công tác giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Tuyên Quang	13,39				
	- Kinh phí xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá sản phẩm công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	1,66				
2	Chi hoạt động kinh tế	850,15				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (sau khi đã trừ KP tiết kiệm 10%)	850,15				
	- Kinh phí thực hiện Dự án mở rộng trụ sở làm việc Sở Công Thương	850,15			850,151	
3	Chi Chương trình mục tiêu	78,26				
3.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	6,596				
	- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2019	6,596				
3.2	Chi Chương trình mục tiêu	71,67				
	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2016- 2020	71,67				

